**BIỂU SỐ 2-BTCTW: THỐNG KÊ ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP**

Thống kê số liệu 6 tháng đầu năm và cả năm. Biểu gồm 2 trang.

**Trang 1:** Phân tích số đảng viên mới kết nạp theo cơ cấu: Nghề nghiệp, tuổi đời, trình độ giáo dục phổ thông, trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

**Trang 2:**Phân tích đảng viên mới kết nạp chia theo dân tộc và tôn giáo.

**Trang 1:**

Nội dung các cột trong biểu:

*Cột 1:* Thứ tự các tiêu chí cần thống kê và tổng hợp.

*Cột 2:* Thống kê số đảng viên mới kết nạp trong kỳ báo cáo.

*Cột 3:* Số liệu thống kê cùng kỳ năm trước.

*Cột 4:* Lấy số liệu ở cột 2 nhân với 100 rồi chia cho số liệu ở cột 3 để ra tỷ lệ (%) của kỳ này so với cùng kỳ năm trước (lấy 2 số thập phân sau dấu phẩy).

**Các mục trong biểu**

**Mục I. Tổng số đảng viên mới kết nạp:** Số liệu này phải thống nhất với số liệu kết nạp tại điểm 1, mục B, Biểu 1-BTCTW, cùng kỳ báo cáo.

Tổng số đảng viên trên được phân tích theo các tiêu chí: nữ; dân tộc thiểu số; người theo tôn giáo (chỉnh sửa theo Quy định 06-QĐ/TW, ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị về một số điểm về kết nạp đảng viên đối với người theo tôn giáo và đảng viên là người theo tôn giáo tham gia sinh hoạt tôn giáo); đoàn viên Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; chủ doanh nghiệp tư nhân; quần chúng vi phạm chính sách kế hoạch hóa gia đình; có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài; kết nạp lại.

**Mục II. Phân tích đảng viên mới kết nạp:**

***1. Nghề nghiệp:*** Tổng số đảng viên mới kết nạp phân tích theo các nghề nghiệp nêu trên phải bằng tổng số đảng viên mới kết nạp.

- Cán bộ, công chức cơ quan Nhà nước tính từ cấp huyện trở lên;

- Cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội tính từ cấp huyện trở lên;

- Cán bộ, công chức; người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn;

- Người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố, bản (ấp, khóm);

- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Người lao động trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;

- Lãnh đạo, quản lý và lao động trong các doanh nghiệp;

- Người làm nông, lâm, ngư nghiệp;

- Sỹ quan, chiến sỹ quân đội và công an (lực lượng vũ trang);

- Sinh viên;

- Học sinh;

- Khác (lao động hợp đồng, tự do...).

***\*Lưu ý:*** Khi thống kê lao động trong các doanh nghiệp, các cấp ủy thống kê cả đảng viên làm lãnh đạo doanh nghiệp (giám đốc, phó giám đốc, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng quản trị, hội đồng thành viên), gián tiếp sản xuất và đảng viên là công nhân, lao động trực tiếp sản xuất.

Đối với lãnh đạo, quản lý và lao động trong các doanh nghiệp, các cấp ủy thống kể cả đảng viên mới kết nạp là người lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp (bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, chủ tịch công ty, chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, giám đốc hoặc tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp hiện hành); nhân viên, người gián tiếp sản xuất; công nhân, lao động trực tiếp sản xuất.

***2. Tuổi đời:***

Phân tích số lượng đảng viên mới được kết nạp theo 08 nhóm tuổi khác nhau, sau đó tính tuổi bình quân. Cách tính tuổi bình quân như sau:

- Tính trị số giữa cho từng nhóm tuổi, theo cách tính: Lấy tổng của tuổi đầu nhóm và tuổi cuối nhóm chia cho 2, cụ thể:

Nhóm tuổi đầu (từ 18 đến 30 tuổi).

Trị số giữa của nhóm tuổi này sẽ là: (18 + 30)/2 = 24

Theo cách tính trên, trị số giữa của nhóm tuổi: 31 - 35 là 33 tuổi; 36 - 40 là 38 tuổi; 41 - 45 là 43 tuổi; 46 - 50 là 48 tuổi; 51 - 55 là 53 tuổi; 56 - 60 là 58 tuổi; riêng nhóm trên 60 quy ước lấy độ tuổi cuối nhóm là 80. Trị số giữa của nhóm tuổi này sẽ là: (61 + 80): 2 = 70,5 tuổi.

- Tuổi bình quân: Ký hiệu là  được tính theo công thức:



Trong đó: x’ là trị số giữa của mỗi nhóm tuổi.

f là số đảng viên mới được kết nạp của mỗi nhóm tuổi.

Ví dụ: số đảng viên được kết nạp trong kỳ là 120 đồng chí.

Trong đó: Độ tuổi từ 18 - 30, có 40 đồng chí; độ tuổi từ 31 - 35, có 30 đồng chí; độ tuổi từ 36 - 40, có 25 đồng chí; độ tuổi từ 41 - 45, có 15 đồng chí; độ tuổi từ 46 - 50, có 06 đồng chí; độ tuổi từ 51 - 55, có 03 đồng chí; độ tuổi 56 - 60 tuổi có 01 đồng chí.





***3. Trình độ giáo dục phổ thông:***

*- Biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ.*

*- Tiểu học:* Là số đảng viên đã học xong chương trình tiểu học (kể cả hệ phổ thông, bổ túc văn hóa và giáo dục thường xuyên...). Tiểu học tính từ lớp 1 đến lớp 5 (hệ 12 năm); từ lớp 1 đến lớp 4 (hệ 10 năm).

*- Trung học cơ sở:*Là số đảng viên đã học xong chương trình trung học cơ sở (kể cả hệ phổ thông, bổ túc văn hóa và giáo dục thường xuyên...). Trung học cơ sở tính từ lớp 6 đến lớp 9 (hệ 12 năm); từ lớp 5 đến lớp 7 (hệ 10 năm).

*- Trung học phổ thông:* Là số đảng viên đã học xong chương trình trung học phổ thông (kể cả hệ phổ thông, bổ túc văn hóa và giáo dục thường xuyên...). Trung học phổ thông tính từ lớp 10 đến hết lớp 12 (hệ 12 năm); Từ lớp 8 đến lớp 10 (hệ 10 năm).

***\*Lưu ý:*** Tổng số đảng viên mới kết nạp được phân tích theo trình độ giáo dục phổ thông phải bằng tổng số đảng viên mới kết nạp.

***4. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:***

*- Công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ, sơ cấp:* Là số đảng viên đã có bằng hoặc chứng chỉ chứng nhận đã tốt nghiệp các lớp sơ cấp, dạy nghề hoặc chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ dưới trình độ trung học chuyên nghiệp.

*- Trung cấp:* Là số đảng viên đã có bằng tốt nghiệp các cơ sở giáo dục - đào tạo của bậc trung cấp chuyên nghiệp.

*- Cao đẳng:* Là số đảng viên đã có bằng tốt nghiệp các trường đào tạo bậc cao đẳng.

*- Đại học:* Là số đảng viên đã có bằng tốt nghiệp đào tạo bậc đại học.

*- Thạc sĩ:* Là số đảng viên đã có bằng thạc sĩ hoặc tương đương.

*- Tiến sĩ:* Là số đảng viên đã có bằng tiến sĩ hoặc tương đương.

***\*Lưu ý:*** Tổng số đảng viên được phân tích theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ nêu trên phải bằng hoặc nhỏ hơn tổng số đảng viên mới được kết nạp.

Những đảng viên có nhiều bằng cấp (ví dụ vừa có bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp, vừa có bằng tốt nghiệp đại học), chỉ thống kê bằng cấp cao nhất (ở ví dụ trên là “đại học”).

***5. Chức danh khoa học:***Là số đảng viên được Nhà nước phong là phó giáo sư, giáo sư; nếu 1 đảng viên được phong cả 2 chức danh khoa học trên thì thống kê chức danh cao nhất.

**Mục III. Số tổ chức cơ sở đảng có đến cuối kỳ báo cáo**

Được phân tích thành 2 phần: Đảng bộ cơ sở và chi bộ cơ sở; trong đó, mỗi phần ghi cụ thể số đơn vị có tổ chức cơ sở đảng mà 100% cán bộ công chức đều là đảng viên (không có quần chúng) và số tổ chức cơ sở đảng có kết nạp đảng viên trong kỳ báo cáo.

***\*Lưu ý:*** Số liệu thống kê ở mục III, Biểu số 2-BTCTW phải thống nhất với thống nhất với mục I, Biểu số 5-BTCTW.

**Trang 2:**

Nội dung các cột trong biểu:

*Cột 1:* Số Thứ tự.

*Cột 2:* Tên các dân tộc, tôn giáo.

*Cột 3:* Tổng số đảng viên mới kết nạp theo các dân tộc, tôn giáo.

*Cột 4:* Tổng số đảng viên mới kết nạp theo các dân tộc, tôn giáo là nữ.

*Cột 5:* Để tính tỷ lệ (%) đảng viên mới kết nạp chia theo dân tộc, lấy số liệu ở cột 3 nhân với 100, rồi chia cho tổng số đảng viên mới kết nạp (lấy 2 số thập phân sau dấu phẩy).

Để tính tỷ lệ (%) đảng viên mới kết nạp chia theo tôn giáo, lấy số liệu ở cột 3 nhân với 100, rồi chia cho tổng số đảng viên mới kết nạp là “Theo tôn giáo” (lấy 2 số thập phân sau dấu phẩy).

**Mục I. Đảng viên chia theo dân tộc**

*Dân tộc:* Được chia ra 54 dân tộc đã được Nhà nước công nhận, các dân tộc khác còn lại được ghi chung vào dòng: “Dân tộc khác” (55).

*Quốc tịch gốc nước ngoài:* Thống kê số đảng viên mới kết nạp là người nước ngoài, đã nhập quốc tịch Việt Nam, sau đó ghi chú tên quốc tịch gốc của những đảng viên đó xuống cuối biểu.

Trường hợp đảng viên mới kết nạp là người dân tộc thiểu số mà dân tộc thiểu số đó không nằm trong danh sách 54 dân tộc đã được Nhà nước công nhận thì thống kê vào dòng: “Dân tộc khác”. Sau đó ghi chú cụ thể tên dân tộc của đảng viên mới kết nạp đó xuống cuối biểu.

Toàn bộ đảng viên mới kết nạp được phân tích theo 53 dân tộc (không tính dân tộc Kinh), dân tộc khác và quốc tịch gốc nước ngoài của trang 2 phải bằng với tổng số đảng viên mới kết nạp là người dân tộc thiểu số ở mục I, cột 2 trang 1 của Biểu này.

**Mục II. Đảng viên chia theo tôn giáo**

Thống kê 06 tôn giáo chính được Nhà nước công nhận; gồm:

*+ Phật giáo:* Những đảng viên mới kết nạp đã được *“Quy y tam bảo”* hoặc được cấp *“Sớ điệp”* theo quy định của Phật giáo thì thống kê theo đạo này.

*+ Công giáo:* Những đảng viên mới kết nạp đã *“Chịu phép rửa tội”* theo quy định của Công giáo thì thống kê theo đạo này.

*+ Phật giáo Hòa Hảo:* Những đảng viên mới kết nạp đã được cấp *“Thẻ hội viên”*, trong nhà có thờ Trần Điều hoặc ảnh giáo chủ Huỳnh Phú Sổ.

*+ Cao Đài:* Những đảng viên mới kết nạp đã được cấp *“Sớ cầu đạo”* theo quy định của đạo Cao Đài thì thống kê theo đạo này.

*+ Tin lành:* Những đảng viên mới kết nạp *“Chịu phép Bắp têm”* theo quy định của đạo Tin lành thì thống kê theo đạo này.

*+ Hồi giáo:* Những đảng viên mới kết nạp khai là theo đạo Hồi Ixlam và đã làm lễ *“Xu Nát”* đối với nam, hay đã làm lễ *“Xuống tóc”* đối với nữ; hoặc khai là theo đạo Hồi giáo Bàni và trong nhà có thờ *“Thần lợn”* thì thống kê theo đạo này.

Trường hợp đảng viên mới kết nạp theo tôn giáo mà tôn giáo đó không nằm trong danh sách 06 tôn giáo chính được Nhà nước Việt Nam công nhận thì thống kê vào dòng: Đạo khác. Sau đó ghi chú cụ thể tên tôn giáo của đảng viên mới kết nạp đó xuống cuối biểu.

Toàn bộ đảng viên mới kết nạp được phân tích theo 06 tôn giáo và tôn giáo khác của trang 2 phải bằng với số đảng viên mới kết nạp là Theo tôn giáo (có đạo) ở mục I, cột 2 trang 1 của Biểu này.